Chi tiết mã HS 2915

Mã HS	2915
Mô tả hàng hóa	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên
Đơn vị	
Thời điểm tạo	03/11/2026 22:56:12
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/2915/

24 dòng thuế thuộc 2915

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2915.11.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit formic, muối và este của nó: / - - Axit formic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.12.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit formic, muối và este của nó: / - - Muối của axit formic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.13.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit formic, muối và este của nó: / - - Este của axit formic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.21.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit axetic và muối của nó; anhydrit axetic: / - - Axit axetic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.24.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit axetic và muối của nó; anhydrit axetic: / - - Anhydrit axetic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2915.29.10	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit axetic và muối của nó; anhydrit axetic: / - - Loại khác: / - - - Natri axetat; các coban axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.29.90	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit axetic và muối của nó; anhydrit axetic: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.31.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Etyl axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.32.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Vinyl axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.33.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - n-Butyl axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.36.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Dinoseb(ISO) axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.39.10	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Loại khác: / - - - Isobutyl axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.39.20	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Loại khác: / - - - 2- Ethoxyetyl axetat	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.39.90	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Este của axit axetic: / - - Loại khác: / - - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.40.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit mono-, di- hoặc tricloroaxetic, muối và este của chúng	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
2915.50.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit propionic, muối và este của nó	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.60.00	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit butanoic, axit pentanoic, muối và este của chúng	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.70.10	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit palmitic, axit stearic, muối và este của chúng: / - - Axit palmitic, muối và este của nó	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.70.20	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit palmitic, axit stearic, muối và este của chúng: / - - Axit stearic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.70.30	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Axit palmitic, axit stearic, muối và este của chúng: / - - Muối và este của axit stearic	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.90.20	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Loại khác: / - - Axit lauric, axit myristic, muối và este của chúng	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.90.30	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Loại khác: / - - Axit caprylic, muối và este của nó	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.90.40	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Loại khác: / - - Axit capric, muối và este của nó	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)
2915.90.90	Axit carboxylic đơn chức no mạch hở và các anhydrit, halogenua, peroxit và peroxyaxit của chúng; các dẫn xuất halogen hóa, sulphonat hóa, nitro hóa hoặc nitroso hóa của các chất trên / - Loại khác: / - - Loại khác	kg/lít	5%	0%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.